

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.
2. Bà Bà Trần Thị Ngọc Quyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 626/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: P dãy C khu tập thể Xã T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Viết T1, sinh năm 1989. Nơi đăng ký thường trú: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký tạm trú: Số H đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 7 năm 2024 và các lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày: Chị T và anh Lưu Viết T1 quen biết, tìm hiểu nhau được 02 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 24/9/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà ba mẹ chị T ở địa chỉ phòng 10 dãy 3 khu tập thể Xã T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh T1 không làm tròn trách nhiệm của mình, không quan tâm và vun vén hạnh phúc gia đình. Một mình chị T phải chăm lo việc ăn học cho các con. Có lần anh T1 say xỉn nên đã hành hung, bóp cổ chị T và đập phá đồ đạc trong gia đình.

Vợ chồng không chia sẻ với nhau, đời sống tình cảm ngày càng bế tắc. Chị T cho rằng phải chịu đựng, sống chung với anh T1 để nuôi dạy con cái và cũng đã nhiều lần tha thứ để hy vọng anh T1 thay đổi nhưng anh T1 vẫn không biết chăm lo cho gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay chị đề nghị cho chị được ly hôn với anh T1 để giải thoát và có cơ hội xây dựng lại cuộc sống. Nếu Tòa án không cho ly hôn thì chị cũng không tiếp tục sống với anh T1 được nữa vì chị không còn thương yêu anh T1 nữa.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Lưu Viết T1 trình bày: Anh T1 xác nhận về việc tìm hiểu, đi đến kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do công việc không ổn định, anh T1 muốn chuyển về quê làm ăn sinh sống nhưng chị T không đồng ý. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Anh T1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T vì anh T1 xác nhận vợ chồng đã không thể hàn gắn được với nhau.

Về con chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 xác nhận có 02 người con chung là cháu Lưu Trần Minh T2, sinh ngày 24/01/2019 và cháu Lưu Viết P, sinh ngày 20/8/2022. Hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T2 và P đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh Lưu Viết T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T2 và P đến khi trưởng thành hoặc ít nhất được nuôi dưỡng một trong hai cháu đến khi trưởng thành. Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T, cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Lưu Viết T1.

- Về con chung: Giao các cháu Lưu Trần Minh T2, sinh ngày 24/01/2019 và cháu Lưu Viết P, sinh ngày 20/8/2022 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lưu Viết T1 không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa, anh Lưu Viết T1 cư trú tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế. Ngày 11/9/2024, anh T1 cung cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú, xác định nơi thường trú và nơi ở hiện tại của anh T1 là tại xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Tại phiên tòa, anh T1 cho rằng mình không đăng ký tạm trú tại số H đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Xét thấy, căn cứ theo Thông báo về việc kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú của Công an phường T và tại bản tự khai của anh T1 đều đã xác định anh T1 có đăng ký tạm trú tại số H đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đồng thời, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh T1 luôn có mặt và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau. Đến nay, do không thể chung sống cùng nhau nên chị T và anh T1 đã sống ly thân với nhau. Kể từ khi sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, tình cảm cũng không còn nên chị T xin ly hôn anh T1. Anh T1 thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau nên cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T, chị T được ly hôn với anh Lưu Viết T1.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 có hai con chung là cháu Lưu Trần Minh T2, sinh ngày 24/01/2019 và cháu Lưu Viết P, sinh ngày 20/8/2022. Chị T và anh T1 đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành. Nếu không anh T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ít nhất một trong hai cháu đến khi trưởng thành.

Xét hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Trần Thị Thanh T. Đối với cháu Lưu Viết P hiện đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), chị T hiện đang làm kế toán

tổng hợp với mức thu nhập mỗi tháng trung bình là hơn 15.000.000 đồng nên đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo cho cháu P được phát triển bình thường.

Tại Giấy xác nhận của Trường M ngày 25/7/2024 thể hiện cả hai cháu P và T2 đều đang theo học tại trường. Qua làm việc với bà Lê Thị T3 là mẹ của chị Trần Thị Thanh T có ý kiến: Từ khi sinh cho đến nay, cả hai cháu P và T2 sinh sống tại nhà của chị T và được chị T cùng ông bà ngoại trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện các cháu đang đi học tại trường M. Trong khoảng thời gian 01 năm trở lại, anh T1 trở về quê sinh sống nên không chăm sóc cho các con. Bà T3 đề nghị giao các cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cho việc học tập và phát triển của các cháu. Lời khai của bà T3 là phù hợp với biên bản xác minh tại chính quyền địa phương. Anh T1 hiện đang làm việc tại tỉnh Nghệ An và có nguồn thu nhập từ nhiều công việc, tuy nhiên do cháu Lưu Trần Minh T2 là con gái và hiện đang còn nhỏ nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu T2, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu T2 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để đảm bảo cho cháu T2 được chăm sóc một cách toàn diện, chu đáo nhất. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Lưu Viết T1.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 có hai con chung là cháu Lưu Trần Minh T2, sinh ngày 24/01/2019 và cháu Lưu Viết P, sinh

ngày 20/8/2022; giao hai cháu T2 và P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lưu Viết T1 tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004352 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phường T, thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng